1. **CNH – HĐH ở Việt Nam**

* ***Lịch sử nhân loại đã và đang trải qua 4 cuộc CMCN:***

***+ 1.0***: Động cơ đốt trong 🡪 **năng lượng nước và hơi nước** (1784) 🡪 cơ khí hóa (Anh)

+**2.**0: Động cơ điện 🡪 **năng lượng điện (1870), động cơ điện**🡪 dây chuyền SX, lắp ráp hàng loạt sử dụng điện

+ **3.0**: Máy tính, tự động hóa 🡪 **công nghệ thông tin, máy tính, thiết bị điện tử** (1969)🡪 tự động hóa 🡪 điều kiện ra đời CMCN 4.0

+ **4.0**: xuất hiện lần đầu ở **Đức** (Hội chợ triển lãm Hanover – 2011) 🡪phát triển trên 3 trụ cột chính: Kỹ thuật số, công nghệ sinh học, vật lý 🡪 **thành tựu AI, IOT, Robot, big data, in 3D,… 🡪 kết nối không dây**, tự đưa ra quyết định

* ***Vai trò CMCN:***

+ ***Thúc đẩy LLSX phát triển*** 🡪nhờ có CMCN mà Tư liệu lao động, đối tượng lao động, trình độ người lao động đều tăng cao 🡪 công nghệ phát triển, trình độ con người thay đổi đáp ứng công nghệ hiện đại

+ ***Thúc đẩy hoàn thiện QHSX*** 🡪 LLSX phát triển, quy mô SX mở rộng, hiện đại 🡪 đòi hỏi QHSX (QH sở hữu, tổ chức quản lý, phân phối ) cũng thay đổi cho phù hợp 🡪 dùng công nghệ để tổ chức quản lý, sp nhiều hơn hình thức phân phối cũng phải thay đổi (bán cổ phiếu cho người lao động)

+ ***Thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển***: Chính phủ điện tử, Doanh nghiệp điện tử 🡪 sử dụng công nghệ quản lý SX, KD, quản lý nền kinh tế

* ***Công nghiệp hóa: là quá trình chuyển nền SX từ lao động thủ công là chính sang lao động chủ yếu dựa vào máy móc nhằm tạo ra NSLĐ XH cao***
* ***4 mô hình CNH tiêu biểu trên TG***:

+ ***Cổ điển***: (Anh) 🡪 thời gian dài từ 60-80 năm 🡪 ***tuần tự (từ CN nhẹ*** đến Cn nặng) 🡪 nguồn vốn từ bóc lột lao động làm thuê, xâm lược thuộc địa 🡪 mâu thuẫn giữa các nước tư bản

+ ***Liên Xô cũ***: đầu những năm 30 (TK 20)🡪 thời gian ngắn 🡪 ***ưu tiên phát triển CN nặng*** 🡪 nguồn vốn vận động từ người dân 🡪 giai đoạn đầu nhanh chóng xây dựng được CSVC 🡪 giai đoạn sau khủng hoảng do mất cân đối nền kinh tế

+ ***Nhật và các nước công nghiệp mới: CNH rút ngắn*** 🡪 ***đẩy mạnh xuất khẩu thay thế nhập khẩu*** 🡪 dùng tiền thu được mua công nghệ mới nước ngoài, cải tiến cho phù hợp QG mình, thu hút vốn đầu tư, thuê chuyên gia,…🡪 thu hút nguồn lực bên ngoài để CNH, HĐH 🡪 đi tắt đón đầu 🡪 VN nên học tập

+ Trung Quốc: hi sinh phát triển nhà nước cho các thành phần kinh tế tư nhân phát triển 🡪 mở rộng thương mại 🡪 thu hút vốn đầu tư nước ngoài 🡪cử sinh viên đi học về phục vụ phát triển đất nước 🡪 kêu gọi vốn và sức mạnh người TQ khắp thế giới

* ***Quá trình VN tiến hành CNH -HĐH chia 2 giai đoạn:***

+ Trước đổi mới (1960-1986):

🡪miền Bắc giải phóng 🡪 ***ĐH 3 (1960) 🡪 Đảng xác định CNH là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ ở miền Bắc***

🡪 Đảng chọn con đường CNH kiểu Liên Xô 🡪ưu tiên phát triển Cn nặng 🡪 dồn toàn lực phát trển (xây thủy điện Hòa Bình) 🡪 kết quả thất bại, khủng hoảng kinh tế, lạm phát, đói ăn 🡪 đi xin viện trợ

+ Thời kỳ đổi mới (1986 đến nay):

🡪ĐH 6 (1986) chuyển hướng CNH nhiều giai đoạn: Nông nghiệp (đảm bảo ANLT) 🡪 CN nhẹ 🡪 CN nặng

🡪Để tránh tụt hậu so với TG đến ***Hội nghị TW 7, Đại hội VII (1994) đưa ra quan điểm về CNH – HĐH: là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện hoạt động SXKD, DV, quản lý KT -XH 🡪 từ sử dụng LĐ thủ công là chính 🡪 sang sử dụng phổ biến SLĐ + Công nghệ, phương tiện hiện đại 🡪 tạo ra NSLĐ XH cao***

* ***Đặc điểm CNH – HĐH ở Việt Nam:***

+ Theo định hướng XHCN

+ Gắn với phát triển kinh tế tri thức

+Trong điều kiện KTTT ĐH XHCN

+Chủ động tích cực HNKTQT

* ***Lý do VN thực hiện CNH – HĐH:***

+ CNH là quy luật phổ biến của sự phát triển LLSX 🡪 mọi quốc gia đều phải trải qua

+ Nước có nền KT kém phát triển quá độ lên CNXH (Việt Nam) 🡪 CNH là con đường xây dựng CSVCKT cho CNXH 🡪 CNH -HĐH để chuyển nền kinh tế từ nông nghiệp lạc hậu nên kinh tế công nghiệp 🡪 củng cố khối liên minh công – nông – trí….

* ***Nội dung thực hiện CNH – HĐH ở Việt Nam:***

+ Phát triển LLSX: cơ sở dựa trên thành tựu KHCN hiện đại

+ CNH – HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức: ngành kinh tế tri thức là ngành có giá trị do tri thức tạo ra chiếm khoảng 70% tổng giá trị SX ngành đó; nền kinh tế tri thức là nền kinh tế mà tổng sản phẩm các ngành kinh tế tri thức chiếm 70% tổng SP GDP

+ Chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại

+ Xây dựng QHSX phù hợp trình độ LLSX

* ***Quan điểm của Đảng ta về CNH – HĐH trong bối cảnh CMCN 4.0:***

+ Giữ vững độc lập chủ quyền đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế

+ CNH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế

+ Con người là yếu tố cơ bản cho phát triển nhanh và bền vững

+ KHCN là động lực của quá trinh CNH – HĐH

+Lựa chọn phương án đầu tư căn cứ vào hiệu quả kinh tế đi đôi với xã hội

+ Kết hợp phát triển kinh tế đi đôi củng cố, tăng cường an ninh quốc phòng

* ***Việt Nam thích ứng với CMCN 4.0 như thế nào:***

+ Hoàn thiện thể chế

+ Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu CMCN 4.0

+ Chuẩn bị ứng phó tác động tiêu cực CM 4.0

+Xây dụng phát triển hạ tầng thích ứng với việc ứng dụng thành tựu KHCN hiện đại

+ Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

+ Đẩy mạnh CNH – HĐH nông nghiệp nông thôn

1. **Hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam:**

* ***Khái niệm HNKTQT: là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn nền kinh tế quốc gia mình với nền kinh tế thế giới 🡪 dựa trên sự chia sẻ lợi ích 🡪 đồng thời tuân thủ chuẩn mực quốc tế chung***

(HNKTQT thực chất là tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế)

* ***Tính tất yếu khách quan (lí do) phải HNKTQT:***
* ***Do xu thế khách quan trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế*** 🡪Phân công lao động quốc tế --, các quốc gia lệ thuộc nhau🡪 HNKTQT giúp đảm bảo điều kiện cho SX🡪 giúp các quốc gia giải quyết vấn đề toàn cầu🡪 tận dụng được thành tựu KHKT

+Toàn cầu hóa kinh tế: sự gia tăng nhanh các hoạt động kinh tế vượt qua biên giới quốc gia, dân tộc 🡪 tạo sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế🡪 trong sự vận động hướng tới 1 nền KT thế giới thống nhất.

+Khu vực hóa KT: những mối liên kết diễn ra trong một không gian địa lý nhất định: khu bực mậu dịch tự do (FTA), Liên minh thuế quan (CU), thị trường chung (CM),…

* ***HNKTQT là phương thức phát triển phổ biến của các quốc gia đang và kém phát triển*** 🡪 tận dụng được nguồn lực từ bên ngoài (vốn, công nghệ, trình độ quản lý,…)🡪 rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển
* **Nội dung HNKTQT:**
* ***Chuẩn bị điều kiện cần để thực hiện hội nhập thành công: về tư tưởng, về pháp luật, chính sách, năng lực cạnh tranh***
* ***Thực hiện đa dạng các hình thức, mức độ hội nhập KTQT***:

+ ***PTA (thỏa thuận thương mại ưu đãi):*** ***mức độ thấp nhất của HN*** 🡪 các quốc gia tham gia ký ***thỏa thuận, cam kết*** dành hco nhau ưu đãi thuế quan, phi thuế quan với hàng hóa của nhau.

+ ***FTA (khu vực mậu dịch tự do)***: mức độ cao hơn PTA🡪 các thành viên đồng ý loại bỏ thuế quan, hạn ngạch; hàng hóa, dịch vụ được tự do di chuyển giữa các nước thành viên 🡪 ***chưa có c/s thuế chung cho các nước ngoài thành viên***

+ ***CU (liên minh thuế quan)***: hàng hóa, dịch vụ được tự do di chuyển, cắt giảm, loại bỏ thuế quan giữa các nước thành viên 🡪 ***có chính sách thuế chung với các nước ngoài thành viên***

+***CM (Thị trường chung):*** đầy đủ các yếu tố của CU: hàng hóa, dịch vụ tự do di chuyển, có c/s thuế chung với các nước trong và ngoài thành viên 🡪 ***di chuyển tự do thêm vốn và lao động***

+***Liên minh kinh tế tiền tệ (EMU): mức độ cao nhất của hội nhập***, gồm toàn bộ CM 🡪 thống nhất chính dách thương mại, tài chính, tiền tệ giữa các nước thành viên 🡪 sử dụng đồng tiền chung, kh còn hàng rào kinh tế

* **Nguyên tắc HNKTQT:**
* Không phân biệt đối xử: bình đẳng giữa các quốc gia thành viên qua chế độ đối xử tối huệ quốc (c/s chung cho hàng hóa, dịch vụ các nước) và chế độ đối xử quốc gia (kh phân biệt hàng hóa trong nucows với hàng hóa nước ngoài)
* Tiếp cận thị trường: mở cửa thị trường qua việc cắt giảm🡪 xóa bỏ thuế quan, phi thuế quan 🡪 c/s thuế công bố công khai, minh bạch, kịp thời
* Cạnh tranh công bằng: chỉ sử dụng thuế quan làm công cụ bảo hộ thương mại
* Áp dụng hành động khẩn cấp trong trường hợp cần thiết: nếu HH & DV trong nước bị đe doạn thái quá 🡪 có quyền khước từ nghĩa vụ🡪 được các nước thành viên ủng hộ
* Ưu đãi dành cho nước đang và chậm phát triển: kéo dài thời gian thực hiện cam kết🡪 hạn chế rào cản với HH, DV của các nước đang và kém phát triển
* **Tác động của HNKTQT:**
* Tích cực: mở rộng thị trường, thúc đẩy SX phát triển 🡪Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu KT hợp lý🡪Nâng cao trình độ nguồn nhân lực🡪Tăng cơ hội cho doanh nghiệp trong nước tiếp cận vốn, công nghê🡪 tạo cơ hội việc làm, cải thiện tiêu dùng trong nước 🡪Cơ hội hoạch định lại chính sách theo xu thế phát triển của TG🡪Tiền đề HN văn hóa 🡪 Tác động hội nhập chính trị🡪điều kiện mỗi nước tìm vị thế cho mình🡪đảm bảo an ninh quốc gia
* Tiêu cực: gia tăng cạnh tranh gay gắt 🡪gia tăng phụ thuộc kinh tế 🡪phân hóa giàu nghèo🡪 chuyển dịch cơ cấu tư nhiên gây bất lợi🡪thách thức với quyền lực nhà nước🡪nguy cơ xói mòn bản sắc văn hóa dân tộc🡪tăng nguy cơ gia tăng tình trạng khủng bố.